

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST  
Ngày 23-9-2020  
V/v “Tranh chấp dân sự về  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Tuấn;
2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** 1. Anh Lương Nhật T, sinh năm 1981;

2. Chị Võ Thị N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 03/8/2015 (âm lịch) bà có cho chị N vay 100.000.000đ, đến ngày 09/12/2015 bà cho anh T vay thêm 100.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay của vợ chồng chị N, anh T là 200.000.000đ, lãi suất 02 bên thỏa thuận là 3%/tháng. Việc vay này không có thỏa thuận thời hạn trả và không có thế chấp tài sản, hàng tháng chị N và anh T cứ trả tiền lãi cho bà, còn tiền gốc thì khi nào bà cần thì thông báo cho anh, chị biết để thỏa thuận trả. Mục đích anh T, chị N vay tiền của bà là để kinh doanh tạp hóa. Từ khi nhận tiền vay thì vợ chồng chị N, anh T có trả lãi cho bà được vài tháng, bà không nhớ chính xác là bao nhiêu, vì tin tưởng nhau nên việc trả lãi này bà cũng không theo dõi sổ sách, không có giấy tờ gì, tuy nhiên số tiền lãi đã trả này không đủ với số lãi mà hai bên thỏa thuận. Đồng thời đến 6/2019 thì anh T, chị N nói là đang gặp khó khăn về kinh doanh nên đề nghị bà bỏ lãi và không tính lãi nữa, hứa sẽ trả tiền gốc từ từ cho bà, bà thống nhất việc này. Tuy nhiên từ 6/2019 cho tới nay anh T, chị N không trả tiền gốc cho bà như đã hứa, mặc dù bà nhiều lần nhắc nhở. Vào tháng 4/2020 bà có khởi kiện anh T, chị N ra Tòa án, Tòa án đã thụ lý giải quyết, tuy nhiên do vợ chồng anh T, chị N năng nhả và hứa là sắp xếp công việc, kiếm tiền trả nợ nên bà rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ tháng 5/2020 sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đến nay, anh chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã hứa trả mà còn trốn tránh bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị N liên đới trả số tiền gốc còn thiếu là 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không trình bày hay yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì thêm.

- *Bị đơn:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ gốc là 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Lương Nhật T và chị Võ Thị N có địa chỉ cư trú tại khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Lương Nhật T và chị Võ Thị N vắng mặt, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lương Nhật T và chị Võ Thị N, việc tổng đạt các văn bản của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T, chị N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự về Nghĩa vụ chứng minh có quy định:

*“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

....

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.*

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy bị đơn anh T và chị N biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án của anh chị, tuy nhiên anh chị không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M. Đây là quyền, nghĩa vụ của anh chị, nhưng anh, chị từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự về Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định:

*“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.*

Căn cứ quy định pháp luật trên thì anh T và chị N không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh chị cũng không đến Tòa án để Tòa án hòa giải nội dung tranh chấp của vụ án, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, anh T, chị N phải nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vay còn thiếu là gốc 200.000.000đ, không có lãi.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh T, chị N phải liên đới chịu là 10.000.000đ. Bà M không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị M.

Buộc anh Lương Nhật T và chị Võ Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trịnh Thị M số tiền vay còn thiếu là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lương Nhật T và chị Võ Thị N liên đới chịu là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Bà Trịnh Thị M không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ, theo biên lai thu số 0001295, ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Huỳnh Anh**